

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Chín và 9 tháng năm 2025

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tính 9 tháng năm 2025 tăng 8,19% so với cùng kỳ năm trước (sơ bộ quý II tăng 7,93%; sơ bộ 6 tháng đầu năm tăng 7,90%; ước tính quý III tăng 8,77%)¹; trong đó, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,34%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng 9,81% (công nghiệp tăng 10,12%; xây dựng tăng 8,96%); các ngành dịch vụ tăng 8,80%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,94%.

Về cơ cấu kinh tế 9 tháng năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 13,40%, giảm 0,12%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 48,42%, giảm 0,95%; các ngành dịch vụ chiếm 32,34%, tăng 1,45%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,84%, giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Nông nghiệp

a) Sản xuất vụ thu mùa

Sản xuất vụ thu mùa năm nay chịu ảnh hưởng của diễn biến thời tiết phức tạp, đầu vụ có nhiều đợt nắng nóng gay gắt, gây khó khăn trong việc gieo trồng; cuối vụ chịu ảnh hưởng nặng nề của bão số 5 (bão Kajiki), bão số 10 (bão Bualoi) và các đợt mưa lũ. Tuy nhiên, các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công tác thủy lợi chủ động, đáp ứng kịp thời và đạt hiệu quả cao; dịch vụ cơ giới hóa ngày càng phát triển và mở rộng. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương tăng cường công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để sản xuất vụ thu mùa năm nay đạt kết quả cao nhất. Theo báo cáo tiến độ sản xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến ngày 15/9/2025, toàn tỉnh đã thu hoạch được 25,8 nghìn ha lúa, đạt 23,3% diện tích gieo cấy; 3,8 nghìn ha ngô, đạt 32,2% diện tích gieo trồng; 368 ha khoai lang, đạt 29,7% diện tích gieo trồng; 369 ha lạc, đạt 30,4% diện tích gieo trồng; rau, đậu các loại 6.341 ha, đạt 43,1% diện tích gieo trồng; các cây trồng khác 2.907 ha, đạt 21,4% diện tích gieo trồng.

Tổng diện tích gieo trồng vụ thu mùa năm 2025 toàn tỉnh đạt 153,1 nghìn ha, vượt 1,4% kế hoạch, giảm 1,0% so với cùng kỳ². Do chịu ảnh hưởng nặng nề của bão số 5 và bão số 10, nên năng suất lúa mùa năm nay dự kiến đạt 47,2 tạ/ha, giảm 14,4% so cùng kỳ (giảm 7,9 tạ/ha). Sản lượng lương thực có hạt vụ thu mùa năm 2025 dự kiến đạt 573 nghìn tấn, giảm 15,3% so với vụ mùa năm 2024.

¹ Số liệu theo thông báo ngày 01/10/2025 của Cục Thống kê.

² Trong đó: Diện tích lúa 110,6 nghìn ha, giảm 1,4% (giảm 1.569 ha) so với cùng kỳ; ngô 11.743 ha, giảm 4,4% so cùng kỳ; lạc 1.212 ha, tăng 0,8%; đậu tương 109 ha, giảm 4,4%; khoai lang 1.240 ha, giảm 5,5%; rau các loại 13.250 ha, tăng 4,3%; cây gia vị, dược liệu, hương liệu 1.356 ha, tăng 11,8%;...

Cả năm 2025, toàn tỉnh gieo trồng được 388,8 nghìn ha cây hàng năm, vượt 1,0% kế hoạch, giảm 0,9% so cùng kỳ³. Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm dự kiến 1.458 nghìn tấn, đạt 94,8% kế hoạch, giảm 7,1% so cùng kỳ⁴.

b) Chăn nuôi

Chín tháng năm 2025, chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Tuy nhiên, từ cuối tháng 6/2025 đến nay, bệnh dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục diễn biến phức tạp tại nhiều xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Số ổ dịch tăng nhanh, công tác bao vây, khống chế và xử lý đang được chính quyền địa phương và ngành chức năng triển khai quyết liệt. Tính đến ngày 18/9/2025, bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 6.851 hộ, 1.450 thôn của 130 xã, phường, buộc phải tiêu hủy 65.564 con lợn, trọng lượng 4.319 tấn.

Ước tính tại thời điểm 01/10/2025, toàn tỉnh có 101,5 nghìn con trâu; 192,5 nghìn con bò; 1.197,9 nghìn con lợn; 28,95 triệu con gia cầm. So với cùng thời điểm năm 2024, đàn trâu giảm 14,3%; đàn bò giảm 10,8%; đàn lợn giảm 1,3%; đàn gia cầm tăng 6,6%. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9 tháng năm 2025 ước đạt 244,7 nghìn tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm tăng 6,3%; quý III tăng 0,1%); sản lượng trứng gia cầm 244,8 triệu quả, tăng 9,1% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm tăng 8,6%; quý III tăng 9,9%); sản lượng sữa bò tươi 48,1 nghìn tấn, tăng 11,8% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm tăng 10,6%; quý III tăng 12,9%).

2.2. Lâm nghiệp

Chín tháng năm 2025, được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của các ngành chức năng, các đơn vị sản xuất giống lâm nghiệp đã chuẩn bị giống cây các loại, đảm bảo cây con phục vụ Tết trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Ất Ty năm 2025 và trồng rừng vụ xuân năm 2025; bên cạnh đó là sự cố gắng của các chủ rừng và hộ lâm nghiệp, nên kết quả sản xuất lâm nghiệp tăng so cùng kỳ. Chín tháng năm 2025, diện tích rừng trồng mới tập trung 9.660 ha, đạt 96,6% kế hoạch, tăng 4,0% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm tăng 6,2%; quý III tăng 0,7%); gỗ khai thác 791 nghìn m³, đạt 71,9% kế hoạch, tăng 6,3% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm tăng 5,2%; quý III tăng 7,6%); củi khai thác 762 nghìn ster, tăng 4,0% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm tăng 4,2%; quý III tăng 2,2%).

Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững; công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo; các ngành chức năng luôn phối hợp với các địa phương và ban quản lý dự án tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Chín tháng năm 2025 trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng, an ninh rừng được giữ vững.

³ Vụ đông 45,9 nghìn ha, vượt 4,4% KH, giảm 2,5% so CK; vụ chiêm xuân 189,8 nghìn ha, đạt 99,9% KH, giảm 0,5% so CK; vụ thu mùa 153,1 nghìn ha, vượt 1,4% KH, giảm 1,0% so CK.

⁴ Vụ đông 58,8 nghìn tấn, giảm 7,7% so CK; vụ chiêm xuân 826,9 nghìn tấn, giảm 0,3% so CK; vụ thu mùa 572,7 nghìn tấn, giảm 15,3% so CK.

2.3. Thủy sản

Sản xuất thủy sản trong 9 tháng năm 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, không xảy ra dịch bệnh trên các con nuôi. Tuy nhiên, việc kiểm soát và xử lý tàu cá vi phạm các quy định về chống khai thác IUU đã ảnh hưởng đến sản lượng thủy sản khai thác biển. Sản lượng thủy sản 9 tháng năm 2025 ước đạt 166.623 tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm tăng 1,8%; quý III tăng 2,0%); trong đó, sản lượng nuôi trồng 60.766 tấn, tăng 3,5% (6 tháng đầu năm tăng 3,1%; quý III tăng 4,2%); sản lượng khai thác 105.857 tấn, tăng 1,0% (6 tháng đầu năm tăng 1,1%; quý III tăng 0,7%).

3. Sản xuất công nghiệp

Chín tháng năm 2025, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và tiếp tục phát triển, đã khởi công một số nhà máy, dự án công nghiệp lớn⁵ và khánh thành, đưa vào hoạt động một số nhà máy công nghiệp, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh⁶.

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành ước tính tháng 9/2025 tăng 2,21% so với tháng trước, tăng 24,26% so với tháng cùng kỳ; trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 3,01% so với tháng trước, tăng 15,53% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,61% so với tháng trước, tăng 24,36% so với tháng cùng kỳ; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 4,00% so với tháng trước, tăng 24,08% so với tháng cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,80% so với tháng trước, tăng 6,08% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 15,24% so với cùng kỳ (quý I tăng 14,79%, quý II tăng 14,62%, quý III tăng 16,22%); trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 8,55% (quý I tăng 4,71%, quý II tăng 7,98%, quý III tăng 12,74%); công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,07% (quý I tăng 17,10%, quý II tăng 16,49%, quý III tăng 17,58%); sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 6,32% (quý I giảm 10,99%, quý II giảm 6,01%, quý III giảm 1,92%); cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,48% (quý I tăng 9,63%, quý II tăng 6,25%, quý III tăng 4,08%).

Trong toàn ngành công nghiệp, một số ngành có chỉ số sản xuất tính chung 9 tháng đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ gồm: Sản xuất kim loại tăng 28,65%; Sản xuất trang phục tăng 27,46%; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 26,05%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 24,34%; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 16,22%; Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 15,46%;

⁵ Như: Dự án số 1 - Tổ hợp hóa chất Đức Giang; Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam; Cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn; Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam...

⁶ Như: Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2, Nhà máy dệt may Nam Ích Thái Thắng, Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu Vạn Hà, Nhà máy cơ khí công nghệ cao Đại Dũng, Nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial tại Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn; Nhà máy giày Thường Xuân, Nhà máy may SD tại xã Dân Lực; Nhà máy may Sakurai Việt Nam 2...

Khai khoáng khác tăng 8,73%; Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 1,99%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 1,46%. Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ gồm: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 6,32%; Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 1,86%; Sản xuất đồ uống giảm 1,03%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 9 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 ước đạt như sau: Xăng các loại 2.942 nghìn tấn, tăng 2,8%; dầu diesel 4.810 nghìn tấn, tăng 0,5%; đường kết tinh 73 nghìn tấn, tăng 19,4%; bia các loại 22 triệu lít, giảm 17,8%; thuốc lá bao 243 triệu bao, giảm 1,9%; quần áo các loại 676 triệu cái, tăng 23,5%; giày thể thao 275 triệu đôi, tăng 29,8%; xi măng 16,95 triệu tấn, tăng 21,1%; sắt, thép 4,1 triệu tấn, tăng 28,9%; điện sản xuất 9.747 triệu kwh, giảm 11,1%; nước máy 43,3 triệu m³, tăng 1,3%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2025 dự kiến giảm 1,59% so với tháng trước, tăng 27,69% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2025, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 28,34% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2025 dự kiến tăng 2,50% so với tháng trước, giảm 7,07% so với tháng cùng kỳ.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp 9 tháng năm 2025 tăng 11,12% so với cùng kỳ; trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 0,75%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 11,30%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 11,63% so với cùng kỳ năm trước.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Công tác phát triển doanh nghiệp tiếp tục đạt kết quả tích cực. Theo báo cáo của Sở Tài chính, trong 9 tháng năm 2025, toàn tỉnh có 3.561 doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường, tăng 16,5% cùng kỳ, trong đó: thành lập mới 2.904 doanh nghiệp, bằng 96,8% kế hoạch và tăng 20,1% cùng kỳ (tăng 486 doanh nghiệp), tỉnh đứng thứ 13/34 tỉnh, thành trong cả nước và đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ về số doanh nghiệp thành lập mới⁷, vốn điều lệ đăng ký 25.266 tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ; có 657 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 3% so với cùng kỳ.

5. Đầu tư

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và trái phiếu Chính phủ do tỉnh quản lý đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao chi tiết cho các chủ đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư giải ngân và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã

⁷ Gấp 1,3 lần so với Nghệ An, 3,4 lần so với Hà Tĩnh, 2,9 lần so với Quảng Trị và 3,8 lần so với thành phố Huế.

đề ra tại Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 17/01/2025. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm cả vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025) toàn tỉnh đến ngày 22/9/2025 đạt 7.950 tỷ đồng, bằng 49,1% kế hoạch, cao hơn bình quân chung của cả nước (46,3%).

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành 9 tháng năm 2025 ước đạt 105.432 tỷ đồng, đạt 75,3% kế hoạch, tăng 4,3% so với cùng kỳ⁸ (quý I đạt 31.377 tỷ đồng, tăng 3,3%, quý II đạt 36.189 tỷ đồng, giảm 0,6%, ước tính quý III đạt 37.865 tỷ đồng, tăng 10,3%).

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước địa phương 9 tháng năm 2025 ước đạt 10.394 tỷ đồng, đạt 64,1% kế hoạch, tăng 14,2% so cùng kỳ năm trước⁹ (quý I đạt 2.302 tỷ đồng, tăng 21,9%, quý II đạt 3.446 tỷ đồng, tăng 10,7%, ước tính quý III đạt 4.646 tỷ đồng, tăng 13,4%).

Trong 9 tháng năm 2025, trên địa bàn tỉnh đã thu hút 103 dự án đầu tư trực tiếp (trong đó có 10 dự án FDI), tổng vốn đầu tư đăng ký 16.505 tỷ đồng và 428,5 triệu USD, tăng 25,4% so với cùng kỳ; chấp thuận chủ trương đầu tư 5 dự án đấu giá quyền sử dụng đất với tổng vốn đầu tư 1.410 tỷ đồng; tiếp nhận 9 khoản viện trợ không hoàn lại với tổng vốn 1,81 triệu USD.

6. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Theo báo cáo của Sở Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2025 (lũy kế đến ngày 30/9/2025) ước đạt 44.067 tỷ đồng, bằng 97% dự toán và tăng 3,6% cùng kỳ, đứng thứ 9 cả nước; trong đó: Thu nội địa 28.661 tỷ đồng, bằng 134% dự toán, tăng 19,4% cùng kỳ; thu xuất nhập khẩu 15.406 tỷ đồng, bằng 85,6% dự toán, 94,8% cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 9 tháng năm 2025 (lũy kế đến ngày 30/9/2025) ước đạt 36.366 tỷ đồng, bằng 67,7% dự toán, tăng 14,1% cùng kỳ.

7. Tín dụng, ngân hàng

Theo báo cáo của Chi nhánh khu vực 7 Ngân hàng Nhà nước, ước tính đến 30/9/2025, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng (không bao gồm Ngân hàng Phát triển) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đạt 213.632 tỷ đồng, tăng 14,60% so với 31/12/2024, trong đó nguồn vốn huy động bằng VND chiếm 97,86%; tổng dư nợ (không bao gồm Ngân hàng Phát triển) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đạt 243.800 tỷ đồng, tăng 9,75% so với 31/12/2024, trong đó dư nợ ngắn hạn chiếm 59,71% tổng dư nợ, dư nợ cho vay bằng VND chiếm 99,13% tổng dư nợ.

8. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

⁸ Vốn đầu tư thuộc NSNN 14.045 tỷ đồng, tăng 34,6% so cùng kỳ; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 72.782 tỷ đồng, tăng 5,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 8.759 tỷ đồng, tăng 0,1%.

⁹ Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 5.647 tỷ đồng, tăng 18,0% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 4.747 tỷ đồng, tăng 10,1%.

Trong 9 tháng năm 2025, thương mại nội địa hoạt động sôi động, nguồn cung hàng hóa dồi dào, giá cả ổn định. Hoạt động du lịch khởi sắc ngay từ những tháng đầu năm. Các khu du lịch biển, du lịch sinh thái của tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động sôi động, hấp dẫn thu hút du khách, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh.

8.1. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

Tháng Chín, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 14.737 tỷ đồng, tăng 15,1% so với tháng cùng kỳ. Chín tháng năm 2025, doanh thu bán lẻ hàng hoá ước đạt 125.008 tỷ đồng, tăng 13,4% so với cùng kỳ (quý I tăng 12,6%, quý II tăng 13,3%, quý III tăng 14,2%)¹⁰.

8.2. Hoạt động lưu trú và ăn uống

Tháng 9/2025, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 2.609,3 tỷ đồng, tăng 31,8% so tháng cùng kỳ; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 487,7 tỷ đồng, tăng 27,5%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 2.121,6 tỷ đồng, tăng 32,8%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 30,0 tỷ đồng, tăng 21,3%; doanh thu dịch vụ khác 2.440,7 tỷ đồng, tăng 23,5% so tháng cùng kỳ năm trước.

Chín tháng năm 2025, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 19.500 tỷ đồng, tăng 21,2% so cùng kỳ (quý I tăng 14,5%, quý II tăng 21,3%, quý III tăng 25,2%); trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 4.459 tỷ đồng, tăng 24,0% (quý I tăng 16,2%, quý II tăng 27,2%, quý III tăng 26,0%), doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 15.040 tỷ đồng, tăng 20,4% (quý I tăng 14,0%, quý II tăng 19,6%, quý III tăng 25,0%); doanh thu du lịch lữ hành 258 tỷ đồng, tăng 21,2% (quý I tăng 20,0%, quý II tăng 20,3%, quý III tăng 22,7%); doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác 20.172 tỷ đồng, tăng 17,5% (quý I tăng 11,9%, quý II tăng 18,0%, quý III tăng 22,3%).

8.3. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2025 tăng 0,72% so với tháng trước, tăng 3,27% so với tháng 12/2024 và tăng 3,70% so với tháng 9/2024. Bình quân 9 tháng năm 2025, CPI tăng 3,40% so với cùng kỳ năm trước¹¹ (bình quân quý I tăng 3,17%; bình quân quý II tăng 3,65%; bình quân quý III tăng 3,36%).

Trong mức tăng 0,72% của CPI tháng 9/2025 so với tháng trước có 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn

¹⁰ Trong đó, lương thực, thực phẩm ước đạt 58.851 tỷ đồng, tăng 15,8% (quý I tăng 15,6%, quý II tăng 16,2%, quý III tăng 15,5%); hàng may mặc ước đạt 6.400 tỷ đồng tăng 6,5% (quý I tăng 7,6%, quý II tăng 3,5%, quý III tăng 8,5%); đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình ước đạt 11.521 tỷ đồng tăng 9,3% (quý I tăng 9,2%, quý II tăng 7,5%, quý III tăng 11,1%); vật phẩm văn hoá, giáo dục ước đạt 1.095 tỷ đồng tăng 5,3% (quý I tăng 6,2%, quý II tăng 5,0%, quý III tăng 4,7%); ô tô các loại ước đạt 3.973 tỷ đồng, tăng 7,5% (quý I tăng 7,7%, quý II tăng 7,6%, quý III tăng 7,2%); xăng, dầu ước đạt 15.404 tỷ đồng, tăng 7,5% (quý I tăng 11,0%, quý II tăng 4,4%, quý III tăng 7,4%)...

¹¹ Bình quân 9 tháng năm 2024, CPI tăng 2,85% so với cùng kỳ năm trước (bình quân quý I tăng 2,29%; bình quân quý II tăng 3,43%; bình quân quý III tăng 2,77%).

uống tăng 0,93% (lương thực giảm 1,51%, thực phẩm tăng 2,25%, ăn uống ngoài gia đình tăng 3,88%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,52%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,64%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,28%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,23%; nhóm nhóm giao thông tăng 0,90%; nhóm giáo dục tăng 3,63%. 4/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,05%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,08%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,27%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,04%.

Chỉ số giá vàng tháng 9/2025 tăng 6,05% so với tháng trước, tăng 48,09% so với tháng 9/2024; bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 41,92% so với bình quân cùng kỳ năm 2024 (bình quân quý I tăng 37,09%; bình quân quý II tăng 43,56%; bình quân quý III tăng 45,24%). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2025 tăng 0,28% so với tháng trước, tăng 6,34% so với tháng 9/2024; bình quân 9 tháng năm 2025 tăng 3,62% so với bình quân cùng kỳ năm 2024 (bình quân quý I tăng 3,60%; bình quân quý II tăng 2,65%; bình quân quý III tăng 4,62%).

8.4. Vận tải hành khách và hàng hóa

Chất lượng các loại hình dịch vụ vận tải được nâng cao. Cảng hàng không Thọ Xuân khai thác trở lại 3 đường bay để đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân¹².

Tháng Chín, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 2.163 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước, tăng 25,0% so với tháng cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải hành khách 408,4 tỷ đồng, tăng 3,4% so với tháng trước, tăng 17,4% so với tháng cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa 1.069,9 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước, tăng 20,7% so với tháng cùng kỳ. Hành khách vận chuyển đạt 2.593 nghìn người, tăng 3,0% so với tháng trước, tăng 16,1% so với tháng cùng kỳ; hành khách luân chuyển đạt 279.917 nghìn người.km, tăng 3,2% so với tháng trước, tăng 15,3% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa vận chuyển đạt 5.941 nghìn tấn, tăng 2,1% so với tháng trước, tăng 24,1% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa luân chuyển 348.860 nghìn tấn.km, tăng 1,7% so với tháng trước, tăng 20,7% so với tháng cùng kỳ.

Chín tháng năm 2025, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 18.022 tỷ đồng, tăng 20,0% so với cùng kỳ (quý I tăng 17,5%, quý II tăng 20,4%, quý III tăng 21,6%); trong đó, doanh thu vận tải hành khách 3.293 tỷ đồng, tăng 14,3% (quý I tăng 12,0%, quý II tăng 14,6%, quý III tăng 14,9%); doanh thu vận tải hàng hóa 9.117 tỷ đồng, tăng 17,3% (quý I tăng 18,0%, quý II tăng 16,2%, quý III tăng 17,2%). Vận chuyển hành khách 21,1 triệu người, luân chuyển hành khách 2.268 triệu người.km, tăng 11,8% về hành khách vận chuyển (quý I tăng 9,7%, quý II tăng 12,3%, quý III tăng 13,1%), tăng 12,0% về hành khách luân chuyển so với cùng kỳ (quý I tăng 9,4%, quý II tăng 12,5%, quý III tăng 12,8%);

¹² Thanh Hóa - Buôn Mê Thuật, Thanh Hóa - Đà Lạt, Thanh Hóa - Cần Thơ.

vận chuyển hàng hoá đạt 49,8 triệu tấn, luân chuyển hàng hoá đạt 2.958 triệu tấn.km, tăng 17,2% về hàng hóa vận chuyển (quý I tăng 14,7%, quý II tăng 17,2%, quý III tăng 19,5%), tăng 15,8% về hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ (quý I tăng 15,1%, quý II tăng 15,4%, quý III tăng 16,8%).

9. Một số tình hình xã hội

9.1. Đời sống dân cư và an sinh xã hội

Chín tháng năm 2025, đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, công tác bảo đảm an sinh xã hội trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, dịp kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước (30/4) được thực hiện hiệu quả, vui tươi, đầm ấm, thiết thực¹³. Chi trả trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng; chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội và hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ¹⁴. Dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 đã tổ chức tặng quà cho Nhân dân với tổng kinh phí 430,5 tỷ đồng, các chế độ an sinh, bảo trợ xã hội, chính sách đối với người có công và thân nhân liệt sĩ được thực hiện đầy đủ, kịp thời¹⁵; hoàn thành xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 14.780 hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở, đạt 100% kế hoạch; tổng kinh phí huy động đạt 1.619 tỉ đồng¹⁶.

9.2. Lao động, việc làm

Công tác theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm được thực hiện thường xuyên để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập, đảm bảo quyền lợi cho người lao động¹⁷. Chín tháng năm 2025, tạo việc làm cho 48.500 lao động¹⁸, bằng 83,6% kế hoạch và

¹³ Cấp ủy, chính quyền, MTTQ, tổ chức đoàn thể các cấp và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm đã trao tặng 1.338.106 suất quà với tổng trị giá trên 491 tỷ đồng cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và công nhân lao động; so với cùng kỳ năm trước, số suất quà đã tăng 364.519 suất với tổng trị giá quà tặng tăng thêm 11 tỷ đồng. Trong đó: ngân sách trung ương là trên 73,9 tỷ đồng; ngân sách cấp tỉnh là trên 64,5 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện là trên 29,7 tỷ đồng; ngân sách cấp xã là trên 6,4 tỷ đồng và kinh phí vận động xã hội hóa là trên 316,6 tỷ đồng

¹⁴ Toàn tỉnh đã có 393,653 lượt đối tượng chính sách, người có công với cách mạng được tặng quà Tết với tổng trị giá trên 145,9 tỷ đồng; 245.730 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn được tặng quà Tết với tổng trị giá trên 71,8 tỷ đồng; 131.842 lượt đối tượng bảo trợ xã hội được tặng quà Tết với tổng trị giá trên 51,9 tỷ đồng; 155.648 lượt người cao tuổi được chúc thọ và tặng quà Tết với tổng trị giá gần 62,6 tỷ đồng; 129.646 lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo... đã được thăm hỏi, tặng quà Tết với tổng trị giá gần 50,8 tỷ đồng; 271.587 lượt người lao động được tặng quà Tết với tổng trị giá gần 108 tỷ đồng

¹⁵ Chi trả trợ cấp hàng tháng cho trên 64.000 đối tượng người có với cách mạng và thân nhân, tổng kinh phí trên 1.827 tỉ đồng; ban hành 9.577 quyết định về chế độ, chính sách cho người có công và thân nhân; cất bốc 21 hài cốt quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại nước CHDCND Lào về an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ quốc tế Đồng Tâm; thu nhận 36.845 mẫu ADN của các thân nhân liệt sĩ chưa xác định được thông tin trên địa bàn tỉnh.

¹⁶ Trong đó: Ngân sách Nhà nước 388 tỉ đồng; kinh phí vận động xã hội hóa 1.231 tỷ đồng.

¹⁷ Đã nắm bắt tình hình, xử lý kịp thời 02 cuộc ngừng việc tập thể: (1) Tại Công ty TNHH THN Autoparts Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thành (doanh nghiệp FDI, 650 lao động, có trụ sở tại địa bàn huyện Thạch Thành); (2) Tại Công ty TNHH giấy Alena Việt Nam (doanh nghiệp FDI, 10.000 lao động, có trụ sở tại huyện Yên Định).

¹⁸ Trong đó có 8.080 lao động được đưa đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, bằng 134,7% KH và 84,9% cùng kỳ, tập trung chủ yếu ở các thị trường: Đài Loan 3.367 người, Nhật Bản 2.863 người, Hàn Quốc 1.241 người...

99% cùng kỳ; giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 13.710 lao động, giảm 32,9% cùng kỳ.

9.3. Y tế

Ngành Y tế tăng cường phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh, không để xuất hiện các chùm ca bệnh, ổ dịch lớn trong cộng đồng¹⁹; ứng dụng kỹ thuật y khoa mới để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh²⁰; triển khai bệnh án điện tử, khám chữa bệnh bằng ứng dụng VNeID thay thế thẻ BHYT đạt 100%; quản lý hành nghề y, dược tư nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường²¹.

9.4. Giáo dục - Đào tạo

Chất lượng giáo dục được cải thiện, giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu cả nước²²; công tác hướng nghiệp cho học sinh THCS, THPT được tăng cường; tập trung đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, hoàn thành nhiệm vụ năm học 2024 - 2025, kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia và tuyển sinh vào lớp 10 THPT và THPT chuyên Lam Sơn được tổ chức nghiêm túc, an toàn²³. Năm học 2024 - 2025, toàn tỉnh có 1.720 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 86,9%²⁴.

9.5. Văn hoá - Thể dục thể thao

Hoạt động thông tin và truyền thông tập trung tuyên truyền các ngày lễ kỷ niệm lớn của dân tộc, các chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, kết quả phát triển kinh tế - xã hội, sự quyết liệt, quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp, góp phần truyền cảm hứng tích cực, củng cố niềm tin trong Nhân dân. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tiếp tục được quan tâm²⁵. Thể thao quần chúng được duy trì; thể thao thành tích cao tham gia thi đấu 121 giải, đạt 947 huy chương các loại²⁶; Đội Bóng chuyền nữ Xi măng Long Sơn thi đấu giai đoạn 1 tạm xếp 6/8 đội tham gia giải Vô địch Quốc gia 2025.

¹⁹ Các ca bệnh ghi nhận rải rác, không có các ổ dịch tập trung trên địa bàn tỉnh, có 126 ca sốt xuất huyết (giảm so với cùng kỳ năm 2024 là 128 ca); 1.557 ca sốt phát ban nghi sởi (tăng so với cùng kỳ năm 2024 là 85 ca), 234 ca tay chân miệng (tăng so với cùng kỳ năm 2024 là 155 ca); 01 ca bệnh Liên cầu lợn (đã được khống chế, hiện tại người bệnh ổn định); 444 ca Covid-19 (tăng cao so với cùng kỳ năm 2024 là 119 ca), các dịch bệnh truyền nhiễm khác hiện đang được kiểm soát tốt.

²⁰ Có 439 kỹ thuật mới được áp dụng; công bố 11 phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học; 105 cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng, đồng thời thu hồi khỏi danh sách cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng 13 cơ sở.

²¹ Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh 760 Giấy phép hành nghề, 168 Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; 491 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; 850 Giấy chứng nhận GPP; 19 Giấy chứng nhận GDP; 314 Chứng chỉ hành nghề dược.

²² Tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2024 - 2025, toàn tỉnh có 77/90 học sinh dự thi đoạt giải, đạt tỷ lệ 85,6% (gồm: 04 giải nhất, 19 giải nhì, 32 giải ba, 22 giải khuyến khích), xếp thứ 5 toàn quốc (sau các tỉnh Vĩnh Phúc, Hải Dương, Nghệ An và Hà Tĩnh), có 1 học sinh dự thi Olympic Tin học quốc tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

²³ Toàn tỉnh có 989 điểm 10 tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, đứng thứ 6 cả nước về số điểm 10, điểm thi trung bình 6,26, đứng thứ 8 cả nước, tăng 10 bậc so với năm 2024

²⁴ Trong đó: Mầm non 586/677 trường (đạt tỷ lệ 86,6%); Tiểu học 539/588 trường (đạt tỷ lệ 91,6%); trung học cơ sở 525/610 trường (đạt tỷ lệ 86%); trung học phổ thông 69/104 trường (đạt tỷ lệ 66,3%).

²⁵ Tham gia Hội diễn “Tiếng hát Làng Sen”, Triển lãm “Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người”, đăng cai tổ chức và tham gia Hội diễn Nghệ thuật quần chúng “Câu hò nổi những dòng sông” khu vực Bắc Trung bộ; công nhận 85,4% số hộ gia đình đạt “Gia đình văn hóa”, 84,7% số thôn, bản đạt “Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa” năm 2025 đối với các xã, phường mới.

²⁶ Trong đó có 290 HCV, 266 HCB và 391 HCD; đã tổ chức thành công giải: Bóng bàn, Cầu lông, Pickleball Hè Sầm Sơn năm 2025; Đại hội TDTT tỉnh Thanh Hoá lần thứ X; giải Cờ vua - Cờ tướng các nhóm tuổi trẻ miền Trung lần thứ XXI; giải Vô

9.6. Tai nạn giao thông

Công an giao thông, Thanh tra giao thông phối hợp với các ngành, các địa phương huy động lực lượng, phương tiện, triển khai đồng bộ các biện pháp công tác, bố trí lực lượng, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm an toàn giao thông. Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, tháng 9/2025 (tính từ ngày 15/8/2025 đến 14/9/2025), toàn tỉnh xảy ra 51 vụ tai nạn và va chạm giao thông, làm chết 29 người, bị thương 36 người; so với tháng cùng kỳ năm trước, giảm 20 vụ, giảm 10 người chết, giảm 15 người bị thương. Lũy kế 9 tháng năm 2025, toàn tỉnh xảy ra 599 vụ tai nạn giao thông (quý I xảy ra 165 vụ, quý II xảy ra 228 vụ, quý III xảy ra 206 vụ), làm 334 người chết (quý I chết 98 người, quý II chết 77 người, quý III chết 159 người) và 449 người bị thương (quý I bị thương 107 người, quý II bị thương 189 người, quý III bị thương 153 người); so với cùng kỳ, giảm 95 vụ, tăng 34 người chết, giảm 144 người bị thương.

9.7. Thiệt hại do thiên tai

Theo báo cáo của Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, từ đầu năm đến nay đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của 33 đợt thiên tai²⁷. Thiên tai đã gây thiệt hại về người, tài sản và sản xuất nông nghiệp; gây hư hỏng các công trình, nhà ở tại các địa phương trên địa bàn tỉnh; trong đó, Thanh Hóa chịu ảnh hưởng nặng nề do bão số 5 (bão Kajiki) và bão số 10 (bão Bualoi) gây ra, cụ thể như sau:

- Bão số 5 và mưa, lũ đã gây thiệt hại về người, tài sản, sản xuất và cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh, làm 01 người chết, 01 người mất tích, 89 nhà bị thiệt hại, 2.037 nhà bị ngập; 4.791 ha lúa, 941 ha hoa màu, 469 ha cây trồng hàng năm bị ngập, thiệt hại; xảy ra 07 sự cố đê điều, 625 m kênh mương bị sạt, hư hỏng; trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ đã sạt lở taluy dương tại 278 vị trí với khối lượng 27.920 m³, sạt lở taluy âm tại 16 vị trí với chiều dài 375 m; 267 cột điện bị gãy, đổ, nghiêng và một số thiệt hại khác. Sau trận mưa lớn do ảnh hưởng của bão số 5, ngày 26/8, xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa hứng chịu lũ quét và sạt lở núi nghiêm trọng, gây thiệt hại nặng về nhà cửa và hạ tầng, đồng thời khiến nhiều khu vực bị cô lập. Đến ngày 28/8, hai ngày sau thảm họa, người dân ở đây vẫn chưa hết bàng hoàng, vẫn đang bị cô lập với bên ngoài. Theo thống kê ban đầu, toàn xã Yên Nhân có 126 ngôi nhà bị ảnh hưởng, trong đó 22 ngôi nhà sập hoàn toàn. Hàng trăm hộ dân phải sơ tán khẩn cấp. Hệ thống điện bị hư hỏng, sóng viễn thông chập chờn, nhiều bản như Khong, Mị vẫn chưa thể tiếp cận.

địch Pencak Silat quốc gia; giải Vô địch Đấu kiếm quốc gia; giải Vô địch Cầu mây bãi biển quốc gia; Giải Vô địch trẻ Võ cổ truyền quốc gia lần thứ XXVI; Giải Vô địch trẻ Vật cổ điển, Vật tự do quốc gia năm 2025.

²⁷ Gồm: 03 cơn bão, 03 đợt rét hại (từ ngày 11-13/01; 27-28/01 và 07-10/02); 08 đợt nắng nóng (cục bộ từ ngày 11-12/4; 15-25/4; diện rộng từ ngày 04-09/5, 31/5-02/6, 06-08/6; 17-20/6; 28/7-4/8); 01 trận sạt lở đất đá (ngày 26/02 tại huyện Bá Thước); 01 trận lốc kèm mưa đá (ngày 12/3 tại huyện Mường Lát); 07 trận mưa dông kèm lốc (ngày 12/4; 18/4; 19/4, 23/4; 25/4; 07/5; 19/7); 03 trận sét đánh (ngày 21/5; 16/6; 12/7) và 07 đợt mưa lớn (từ ngày 09-12/5; 16-18/5; 23-25/5; 29-30/5; 30/6-03/7; 11-13/7; 16/8-18/8).

- Bão số 10 và mưa lũ sau bão đã gây ra một số thiệt hại ban đầu trên địa bàn tỉnh, theo thống kê sơ bộ tính đến 23 giờ ngày 29/9/2025, thiên tai đã làm 02 người chết, 06 người bị thương; 955 nhà bị thiệt hại, 4.059 nhà bị ngập nước; 3.990 ha lúa, 1.421 ha cây trồng hàng năm bị ngập; 67 điểm/trường, 02 Trạm Y tế bị ảnh hưởng; các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ bị sạt lở gây tắc đường tại 53 vị trí; xảy ra 05 sự cố đê điều; 01 cột điện trung thế, 510 cột điện hạ thế bị gãy, đổ... Hiện tại vẫn còn 1 số địa phương bị ngập trong nước lũ và chưa có điện. Mưa lũ sau bão số 10 đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến đời sống và sản xuất của người dân Thanh Hóa. Trong những ngày tới, khi thời tiết còn nhiều diễn biến khó lường, tỉnh sẽ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực ứng phó, giúp bà con sớm ổn định cuộc sống và phục hồi sau thiên tai.

9.8. Phòng chống cháy, nổ

Tháng 9/2025 trên địa bàn tỉnh xảy ra 5 vụ cháy, nổ. Tính chung 9 tháng năm 2025, toàn tỉnh xảy ra 71 vụ cháy, nổ (quý I xảy ra 35 vụ, quý II xảy ra 18 vụ, quý III xảy ra 18 vụ), giảm 12 vụ so với cùng kỳ năm trước, không có người chết và không có người bị thương, thiệt hại 3.057 triệu đồng (quý I thiệt hại 424 triệu đồng, quý II thiệt hại 1.571 triệu đồng, quý III thiệt hại 1.062 triệu tỷ đồng).